

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

**Địa chỉ: Số 65 Hoàng Văn Thụ - P. Phan Đình Phùng - TP. TN**

**Điện thoại: 02803.852.553 - Fax: 02803.754.974**

-----

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ 1 NĂM 2024**

**THÁI NGUYÊN - 2024**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý 1 năm 2024

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>174.559.532.157</b>	<b>173.381.550.677</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>4.391.105.518</b>	<b>2.617.572.188</b>
1. Tiền	111		4.391.105.518	2.617.572.188
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.044.328.873</b>	<b>11.647.385.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	10.154.574.199	13.014.842.463
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.110.245.326)	(1.367.457.463)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1281)	123A			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1282)	123B			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1288)	123C			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>145.157.493.297</b>	<b>144.862.914.386</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.027.325.337	1.355.422.296
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	41.898.229	39.924.001
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.800.000.000	1.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	140.288.269.731	141.667.568.089
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.344.027.680</b>	<b>13.918.360.877</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	15.344.027.680	13.918.360.877
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>622.576.789</b>	<b>335.318.226</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	320.749.134	95.318.226
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		61.827.655	
- Thuế GTGT đầu vào	152A		61.827.655	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		240.000.000	240.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>37.579.240.035</b>	<b>38.321.811.159</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			

4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.409.763.636</b>	<b>12.781.380.185</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.830.437.231	12.179.485.029
<i>Nguyên giá</i>	222		21.977.947.381	21.977.947.381
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		-10.147.510.150	-9.798.462.352
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	579.326.405	601.895.156
<i>Nguyên giá</i>	228		832.250.000	832.250.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-252.923.595	-230.354.844
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.632.317.123</b>	<b>3.632.317.123</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	3.429.258.923	3.429.258.923
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	203.058.200	203.058.200
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.020.700.000</b>	<b>20.020.700.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	20.020.700.000	20.020.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.516.459.276</b>	<b>1.887.413.851</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.516.459.276	1.887.413.851
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>212.138.772.192</b>	<b>211.703.361.836</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
1	2	3	4	4
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.766.099.902</b>	<b>13.801.868.047</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.700.599.902</b>	<b>13.736.368.047</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	3.312.955.339	1.935.258.430
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	690.588.003	82.148.002
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	52.800.240	66.188.113
4. Phải trả người lao động	314		298.088.832	748.265.096
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	79.052.055	1.106.579.178
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	835.384.634	228.909.082
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	220.274.100	201.692.087
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	8.135.104.199	9.290.975.559
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	76.352.500	76.352.500
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65.500.000</b>	<b>65.500.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		65.500.000	65.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>198.372.672.290</b>	<b>197.901.493.789</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>198.372.672.290</b>	<b>197.901.493.789</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		195.000.000.000	195.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.736.000	29.736.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		205.199.847	205.199.847
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		464.211.628	464.211.628
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.673.524.815	2.202.346.314
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.202.346.314	418.467.105
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		471.178.501	1.783.879.209
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>212.138.772.192</b>	<b>211.703.361.836</b>

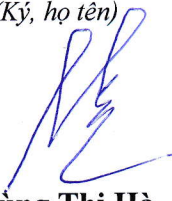
Lập ngày 19 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



**Đỗ Thị Duyên**

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



**Phùng Thị Hà**

Phó tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Lã Thị Mai Liên**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý I năm 2024**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1	2	3	4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.979.884.686	5.335.641.040	4.979.884.686	5.335.641.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.979.884.686	5.335.641.040	4.979.884.686	5.335.641.040
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.298.573.096	2.378.404.526	3.298.573.096	2.378.404.526
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.681.311.590	2.957.236.514	1.681.311.590	2.957.236.514
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	951.533.757	200.912.894	951.533.757	200.912.894
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	(112.458.261)	149.520.275	(112.458.261)	149.520.275
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(112.458.261)	149.520.275	(112.458.261)	149.520.275
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	1.023.768.202	1.426.869.143	1.023.768.202	1.426.869.143
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1.271.686.423	1.044.869.477	1.271.686.423	1.044.869.477
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		449.848.983	536.890.513	449.848.983	536.890.513
11. Thu nhập khác	31	VI.8	21.903.593	61.868.054	21.903.593	61.868.054
12. Chi phí khác	32	VI.9	574.075	552.364.132	574.075	552.364.132
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		21.329.518	(490.496.078)	21.329.518	(490.496.078)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		471.178.501	46.394.435	471.178.501	46.394.435
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10		9.278.887		9.278.887
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		471.178.501	37.115.548	471.178.501	37.115.548
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ghi chú: (\*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phùng Thị Hà

Lập, Ngày 19 tháng 04 năm 2024

Phó Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lã Thị Mai Liên

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 1 NĂM 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số dư lũy kế đến Quý 1/2024	Số dư lũy kế đến Quý 1/2023
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>471.178.501</b>	<b>46.394.435</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		371.616.549	374.313.128
- Các khoản dự phòng	03		(257.212.137)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.559.601)	(337.276.530)
- Chi phí lãi vay	06		120.859.349	149.520.275
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>674.882.661</b>	<b>232.951.308</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		252.273.776	2.168.784.340
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.425.666.803)	(1.471.434.638)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.235.330.500	501.592.980
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		145.523.667	342.683.467
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		2.860.268.264	
- Tiền lãi vay đã trả	14			(149.520.275)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.742.612.065</b>	<b>1.625.057.182</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			677.630.649
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			541.267.013
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(1.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(2.596.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(919.828.251)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(919.828.251)</b>	<b>(2.477.102.338)</b>

<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.028.673.234	2.678.455.106
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.077.929.718)	(1.847.306.415)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.049.256.484)</b>	<b>831.148.691</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.773.527.330</b>	<b>(20.896.465)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>2.617.578.188</b>	<b>4.426.649.949</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>4.391.105.518</b>	<b>4.405.753.484</b>
			-	-

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



**Đỗ Thị Duyên**

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



**Phùng Thị Hà**

Lập ngày 19 tháng 04 năm 2024

Phó tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Lê Thị Mai Liên**



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600346889 ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09 tháng 6 năm 2023.

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 65 Hoàng Văn Thụ, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã số thuế : 4 6 0 0 3 4 6 8 8 9

2. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

3. Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh thương mại

4. Ngành nghề kinh doanh :

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê mặt bằng./.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:

Số liệu BCTC quý 1 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính năm quý 1 năm 2023

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty, Việc kiểm soát đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Giá trị ghi sổ: Các khoản đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Căn cứ lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy: Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (trung tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
  - Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
  - Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
  - Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10

### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

## 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

## 8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

### *Tài sản đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

## **Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát**

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

## ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

## **14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

## **15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

## 18. Công cụ tài chính

### **Tài sản tài chính**

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

## 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 1 NĂM 2024

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.508.633.725	2.151.629.113
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.882.471.793	465.943.075
<b>Cộng</b>	<b><u>4.391.105.518</u></b>	<b><u>2.617.572.188</u></b>

### 2. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>SL</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Cổ phiếu kinh doanh</i> DHM – Cty CP Thương mại và khai thác khoáng sản Dương Hiếu	1.155.500	10.154.574.199	(1.110.245.326)	1.542.700	13.014.842.463	(1.367.457.463)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.155.500</u></b>	<b><u>10.154.574.199</u></b>	<b><u>(1.110.245.326)</u></b>	<b><u>1.542.700</u></b>	<b><u>13.014.842.463</u></b>	<b><u>(1.367.457.463)</u></b>

### 3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>1.945.238.265</b>	<b>987.570.610</b>
Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng	1.945.238.265	987.570.610
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>1.082.087.071</b>	<b>367.851.685</b>
Bệnh viện Gang thép	46.049.998	100.704.998
Các khách hàng khác	1.036.037.074	267.146.688
<b>Cộng</b>	<b><u>3.027.325.337</u></b>	<b><u>1.355.422.296</u></b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp khác	41.898.229	39.924.001
<b>Cộng</b>	<b><u>41.898.229</u></b>	<b><u>39.924.001</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho bà Lương Thị Văn vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	600.000.000
Cho bà Dương Thị Liên vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	600.000.000
Cho bà Ng. Thị Phương Thảo vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>

### 6. Các khoản phải thu khác

#### a, Ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>139.663.293.000</i>	-	<i>139.903.293.000</i>	-
Cty CP Thương mại Thái Hưng	135.400.000.000		135.400.000.000	
Bà Nguyễn Thị Quy - Tạm ứng	4.263.293.000		4.503.293.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>624.976.731</i>	-	<i>1.764.275.089</i>	-
Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	137.046.570		105.832.674	
Tạm ứng	480.958.000		1.630.958.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.972.161		27.484.415	
<b>Cộng</b>	<b>140.288.269.731</b>	-	<b>141.667.568.089</b>	-

(\*) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 ngày 03/02/2020, Phụ lục số 02 ngày 15/04/2020. Theo đó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh để xây dựng, vận hành và khai thác dự án công trình: “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”. Thời gian hợp tác kinh doanh: 5 năm.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/STH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2023 của Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên và Biên bản thỏa thuận số 2606/BBTT.2023/TH-STH ngày 26 tháng 6 năm 2023 với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng đã thông qua phương án dự kiến thu hồi vốn đầu tư tại dự án trên. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thu hồi số tiền đầu tư là 45.000.000.000 VND.

Ngày 01 tháng 01 năm 2023, hai bên đã ký biên bản ghi nhớ số 01/BBGN/TH-PHS thống nhất về việc sử dụng phần vốn chưa thu hồi là 135,4 tỷ đồng tiếp tục để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng dự án Thái Hưng Complex Tower.

(\*\*) Tạm ứng để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng dự án Thái Hưng Complex Tower tại số 65 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng hóa	15.344.027.680		13.918.360.877	
<b>Cộng</b>	<b>15.344.027.680</b>		<b>13.918.360.877</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước****a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	320.749.134	90.150.210
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác		5.168.016
<b>Cộng</b>	<b><u>320.749.134</u></b>	<b><u>95.318.226</u></b>

**b, Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.354.240.189	1.593.436.441
Chi phí sửa chữa	162.219.087	293.977.410
<b>Cộng</b>	<b><u>1.516.459.276</u></b>	<b><u>1.887.413.851</u></b>

**9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	16.054.522.371	259.037.400	2.400.407.980	18.713.967.751
Tăng trong năm	4.079.979.630	-	-	4.079.979.630
Giảm trong năm do thanh lý	-	-	(816.000.000)	(816.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>20.134.502.001</u></b>	<b><u>259.037.400</u></b>	<b><u>1.584.407.980</u></b>	<b><u>21.977.947.381</u></b>
<i>Trong đó:</i>				-
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	662.451.960	179.970.582	979.802.333	1.822.224.875
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	8.399.056.632	214.491.005	1.184.914.715	9.798.462.352
Khấu hao trong năm	273.262.920	6.588.903	69.195.975	349.047.798
Giảm do thanh lý				
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>8.672.319.552</u></b>	<b><u>221.079.908</u></b>	<b><u>1.254.110.690</u></b>	<b><u>10.147.510.150</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	11.735.445.369	44.546.395	399.493.265	12.179.485.029
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>11.462.182.449</u></b>	<b><u>37.957.492</u></b>	<b><u>330.297.290</u></b>	<b><u>11.830.437.231</u></b>

Tài sản cố định là “nhà làm việc và bán hàng” của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 8.380.906.239 VND và 3.850.493.039 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
<b>Số đầu năm</b>	<b>832.250.000</b>	<b>(230.354.844)</b>	<b>601.895.156</b>
Tăng trong năm			
Khấu hao trong năm	-	(22.568.751)	(22.568.751)
<b>Số cuối năm</b>	<b>832.250.000</b>	<b>(252.923.595)</b>	<b>579.326.405</b>

Trong đó, nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 168.000.000 VND.

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.429.258.923		3.429.258.923	-
<b>Cộng</b>	<b>3.429.258.923</b>	<b>-</b>	<b>3.429.258.923</b>	<b>-</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	203.058.200			203.058.200
<i>Xây dựng cơ bản dở dang HS Phú Lương</i>	-			-
<i>XDCB Tòa nhà Thái Hưng COMPLEX TOWER</i>	203.058.200			203.058.200
<i>Xây dựng, sửa chữa hiệu sách Võ Nhại</i>	-			-
<b>Cộng</b>	<b>203.058.200</b>			<b>203.058.200</b>

**13. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>20.020.700.000</b>	<b>-</b>	<b>20.020.700.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP PVcombank (*)	20.020.700.000	-	20.020.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.020.700.000</b>	<b>-</b>	<b>20.020.700.000</b>	<b>-</b>

(\*) Năm 2022, công ty đã nhận chuyển nhượng thành công 2.002.070 cổ phần của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam từ bên liên quan là Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng với giá chuyển nhượng là 20.020.700.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>			<b>1.935.258.430</b>	<b>1.935.258.430</b>
C Ty Cổ Phần Cây Xanh Ngọc Đăng	928.898		563.915.832	563.915.832
Cty TNHH Hợp Thành Phát Thái Nguyên	91.032.445		249.724.931	249.724.931
Cty TNHH Văn phòng phẩm Thái Nguyên	214.062.604		194.929.702	194.929.702
Các nhà cung cấp khác	3.006.931.392		926.687.965	926.687.965
<b>Cộng</b>	<b>3.312.955.339</b>		<b>1.935.258.430</b>	<b>1.935.258.430</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH dịch vụ Hà Nội CAPITAL	140.588.000	82.148.000
Các khách hàng khác	550.000.003	2
<b>Cộng</b>	<b>690.588.003</b>	<b>82.148.002</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối năm	
	Số phải nộp	Số thuế nộp thừa	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số thuế nộp thừa
Thuế GTGT hàng bán nội địa	66.188.113	-	30.137.726	(89.124.423)	7.201.416	61.827.655
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	240.000.000	-	-	-	- 240.000.000
Tiền thuê đất	-	-	45.598.824		45.598.824	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>66.188.113</b>	<b>240.000.000</b>	<b>79.736.550</b>	<b>(93.124.423)</b>	<b>52.800.240</b>	<b>301.827.655</b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng phải trả		1.051.960.000
Lãi vay phải trả	79.052.055	54.619.178
<b>Cộng</b>	<b>79.052.055</b>	<b>1.106.579.178</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thời trang quốc tế SAVANI	36.363.627	145.454.538
Chi nhánh Công ty Cổ phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT tại Hà Nội	166.909.088	83.454.544
Các khách hàng khác	632.111.919	-
<b>Cộng</b>	<b>835.384.634</b>	<b>228.909.082</b>

**19. Các khoản phải trả khác****a, Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>199.680.000</i>	<i>199.680.000</i>
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả	199.680.000	199.680.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		<i>2.012.087</i>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.594.100	2.012.087
<b>Cộng</b>	<b>220.274.100</b>	<b>201.692.087</b>

**b, Dài hạn**

Là khoản ký cược, ký quỹ của các hợp đồng cho thuê mặt bằng.

**20. Vay và nợ thuê tài chính****Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.615.985.079</i>	<i>3.615.985.079</i>	<i>3.615.985.079</i>	<i>3.615.985.079</i>
Vay Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	3.615.985.079	3.615.985.079	3.615.985.079	3.615.985.079
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.519.119.120</i>	<i>4.519.119.120</i>	<i>5.674.990.480</i>	<i>5.674.990.480</i>
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Thái Nguyên	4.519.119.120	4.519.119.120	5.257.733.797	5.257.733.797
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Vay margin			417.256.683	417.256.683
<b>Cộng</b>	<b>8.135.104.199</b>	<b>8.135.104.199</b>	<b>9.290.975.559</b>	<b>9.290.975.559</b>

Các khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của công ty trừ tài sản là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455.

Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số VN120003476-002 ngày 25 tháng 06 năm 2021 được gia hạn theo phụ lục hợp

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

đồng số 03/PLHĐCV-VN120003476-002 ngày 26 tháng 06 năm 2023, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25 tháng 06 năm 2023. Hạn mức khoản vay là 9.750.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng đối với mỗi kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 2,75%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455, cấp ngày 15 tháng 08 năm 2008 và số BG553733 cấp ngày 13 tháng 09 năm 2011 bởi UBND tỉnh Thái Nguyên.

Là khoản vay Margin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng	3.615.985.079				3.615.985.079
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.257.733.797	3.014.255.954	(3.760.090.863)		4.519.119.120
Vay Margin	417.256.683	14.417.280	(424.453.731)		
<b>Cộng</b>	<b><u>9.290.975.559</u></b>	<b><u>4.184.544.594</u></b>	<b><u>(3.028.673.234)</u></b>		<b><u>8.135.104.199</u></b>

### 21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	38.176.250	38.176.250
Quỹ phúc lợi	38.176.250	38.176.250
<b>Cộng</b>	<b><u>76.352.500</u></b>	<b><u>76.352.500</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYỄN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	418.467.104	196.117.614.579
-	-	-	-	1.783.879.209	1.783.879.209
<b>195.000.000.000</b>	<b>29.736.000</b>	<b>205.199.847</b>	<b>464.211.628</b>	<b>2.202.346.314</b>	<b>197.901.493.789</b>
195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	2.202.346.314	197.901.493.789
-	-	-	-	471.178.501	471.178.501
<b>195.000.000.000</b>	<b>29.736.000</b>	<b>205.199.847</b>	<b>464.211.628</b>	<b>2.673.524.814</b>	<b>198.372.672.290</b>

#### Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	36.000.000.000	18,46%	36.000.000.000	18,46%
Bà Nguyễn Thị Vinh	21.550.200.000	11,05%	21.550.200.000	11,05%
Bà Nguyễn Thị Quy	26.216.200.000	13,44%	26.216.200.000	13,44%
Bà Bạch Phương Vinh	21.546.000.000	11,05%	21.546.000.000	11,05%
Các cổ đông khác	89.687.600.000	46,00%	89.687.600.000	46,00%
<b>Cộng</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.500.000	19.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Quý 1/2023</u>
Doanh thu bán hàng hóa	4.396.871.613	3.331.186.686
Doanh thu cung cấp dịch vụ	583.013.073	2.004.454.354
<b>Cộng</b>	<b><u>4.979.884.686</u></b>	<b><u>5.335.641.040</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Quý 1/2023</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.095.306.447	2.344.938.564
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	203.266.649	33.465.962
<b>Cộng</b>	<b><u>3.298.573.096</u></b>	<b><u>2.378.404.526</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Quý 1/2023</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.559.601	200.912.894
Lãi kinh doanh chứng khoán	919.974.156	-
<b>Cộng</b>	<b><u>951.533.757</u></b>	<b><u>200.912.894</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Quý 1/2023</u>
Chi phí lãi vay	144.753.876	149.520.275
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(1.367.457.463)	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán	1.110.245.326	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(112.458.261)</u></b>	<b><u>149.520.275</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Quý 1/2023</u>
Chi phí cho nhân viên	841.923.564	987.534.400
Chi phí vật liệu, bao bì		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.613.353	80.144.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.824.032	37.182.550
Các chi phí khác	71.407.253	322.007.913
<b>Cộng</b>	<b><u>1.023.768.202</u></b>	<b><u>1.426.869.143</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Quý 1/2023</u>
Chi phí cho nhân viên	334.478.184	463.371.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định	296.003.196	294.168.848
Thuế, phí và lệ phí	83.802.324	64.143.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.520.000	
Các chi phí khác	550.882.719	223.185.913
<b>Cộng</b>	<b><u>1.271.686.423</u></b>	<b><u>1.044.869.477</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Quý 1/2023</u>
Các khoản thu nhập khác	21.903.593	61.868.054
<b>Cộng</b>	<b><u>21.903.593</u></b>	<b><u>61.868.054</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Quý 1/2023</u>
Chi phí khác	574.075	552.364.132
<b>Cộng</b>	<b><u>574.075</u></b>	<b><u>552.364.132</u></b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Quý 1/2023</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	471.178.501	46.394.078
Lỗi các năm trước được chuyển	471.178.501	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		20
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>9.278.887-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b><u>471.178.501</u></b>	<b><u>37.115.548</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2024**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Lập ngày 19 tháng 04 năm 2024

**Phó tổng Giám đốc**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**



**Đỗ Thị Duyên**

**Phùng Thị Hà**

**Lê Thị Mai Liên**